

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/4/2023
“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Loan
2. Ông Y Tha Mlô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 379/2022/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1983. Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện G, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1981. Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện G, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

Tôi và anh Trương Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã P, huyện R, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã xích mích. Anh T thường hay rượu bia say xỉn, ghen tuông vô cớ và đánh đập vợ con, phá hoại tài sản trong nhà. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuần không thể hàn gắn được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung, tôi và anh Tân có 03 con chung là:

- Trương Văn D, sinh ngày 14/12/2004
- Trương Thị Y, sinh ngày 15/12/2006
- Trương Văn M, sinh ngày 21/3/2015

Nay ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Thị Y và Trương Văn M vì cháu M còn nhỏ, còn cháu Y là con gái ở với tôi sẽ tốt hơn. Còn cháu D đã trưởng thành trên 18 tuổi và khỏe mạnh nên tôi không có yêu cầu gì đối với cháu D. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tôi yêu không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Văn T trình bày:

Tôi và cô Lê Thị B chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện R, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống cũng hay cãi vã và tôi cũng hay đánh đập vợ là do tôi không đúng với vợ mình. Tôi có ghen tuông và đánh vợ. Cô B không chịu nổi nên mới làm đơn ly hôn với tôi. Nay tôi biết là do tôi quá sai với vợ con, tôi muốn vợ chồng hòa thuận mà về với nhau để làm ăn và nuôi con. Về con chung, tôi và cô B có 03 con chung là Trương Văn D, sinh ngày 14/12/2004; Trương Thị Y, sinh ngày 15/12/2006 và Trương Văn M, sinh ngày 21/3/2015. Nếu tòa án giải quyết ly hôn thì tôi chấp nhận giao 02 con chung là cháu Y và cháu M cho cô B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Còn cháu D thì đã trưởng thành trên 18 tuổi nên tôi không có ý kiến gì. Về tài sản chung, tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Kiểm sát viên* phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà Lê Thị B và ông Trương Văn T kết hôn tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng bà B, ông T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung, giao 02 con chung là Trương Văn D, sinh ngày 14/12/2004; Trương Thị Y, sinh ngày 15/12/2006 cho bà Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà B không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trương Văn T cư trú tại xã K, huyện G, tỉnh Đắk Lắk là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Trương Văn T kết hôn tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo nguyên đơn bà B trình bày là vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã xích mích. ông T thường hay rượu bia say xỉn, ghen tuông vô cớ và đánh đập vợ con, phá hoại tài sản trong nhà. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2022 cho đến nay.

Qua xác minh tại địa phương Thôn A, xã K, huyện G, tỉnh Đắk Lắk thì thể hiện, quá trình chung sống vợ chồng giữa bà B và ông T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng cách đây khoảng 4 năm. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích. Ông T thường hay rượu chè, ghen tuông vô cớ và nhiều lần đánh đập vợ con. Ban tự quản thôn đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà B không chịu được nên đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, bản thân ông T cũng thừa nhận điều này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa án để hòa giải, tạo điều kiện cho bà B và ông T gặp gỡ giải quyết những mâu thuẫn để đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt. Điều đó chứng tỏ ông T không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng bà B, ông T đã đến mức trầm trọng. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra bạo lực gia đình, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau thời gian dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị B và ông Trương Văn T có 03 con chung là:

- Trương Văn D, sinh ngày 14/12/2004
- Trương Thị Y, sinh ngày 15/12/2006
- Trương Văn M, sinh ngày 21/3/2015

Đối với con chung Trương Văn D, sinh ngày 14/12/2004 thì đã đủ 18 tuổi và khỏe mạnh nên không đề cập giải quyết. Còn về 02 con chung là Trương Thị Y, sinh ngày 15/12/2006 và Trương Văn M, sinh ngày 21/3/2015 thì Hội đồng xét xử nhận thấy đối với cháu Y là con gái đang trong tuổi gần trưởng thành nên rất cần sự chăm sóc, dạy dỗ trực tiếp của người mẹ để phát triển bình thường về mặt tâm sinh lý. Còn cháu M thì còn quá nhỏ cũng cần sự chăm sóc của người mẹ. Đồng thời, nguyện vọng của các cháu cũng muốn được ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ kiện thì ông T cũng không có yêu cầu gì về con chung và tại phiên tòa thì ông cũng đồng ý giao 02 con chung cháu Y và M cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, để bảo đảm cuộc sống bình thường cũng như sự phát triển về thể chất và tâm lý của các cháu, cần chấp nhận yêu cầu của bà B về con chung, giao 02 cháu Trương Thị Y và Trương Văn M cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị B được ly hôn với ông Trương Văn T.

- *Về con chung:* Giao 02 con chung là Trương Thị Y, sinh ngày 15/12/2006 và Trương Văn M, sinh ngày 21/3/2015 cho bà Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- *Về án phí:* Bà Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia

đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0013682 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Đắk Lắk.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã P, huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Thịnh

